

Bản án số: 59/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 07-6-2024

V/v tranh chấp về xác định con cho cha.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vũ
2. Ông Bùi Văn Mưa Lớn

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 07 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 125/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc “*Xác định con cho cha*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 31/5/2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1996; Nơi cư trú: 28/4, đường số 18, phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Xuân M, sinh năm 1993; Nơi cư trú: ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Quốc K, sinh năm 1986; Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện B, tỉnh Bến Tre

Anh H và chị M có đơn xin vắng mặt, anh K vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại Tòa nhưng có lời khai trong quá trình tố tụng như sau: Vào năm 2023 anh và chị Nguyễn Xuân M quen nhau và chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn do chị Nguyễn Xuân M và anh Nguyễn Quốc K chưa ly hôn với nhau. Đồng thời, trong thời gian này chị M đã mang thai cháu Nguyễn Thị Minh A (tên dự kiến), sinh ngày 01/11/2023. Đến ngày 30/8/2023 chị M và anh K đã ly hôn theo Bản án số 112/2023/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Do cháu Nguyễn Thị Minh A thành thai trong thời kỳ hôn nhân giữa chị M và anh K nên anh không thể đăng ký khai sinh cho cháu Minh A được. Nay anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xác định

cháu Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày 01/11/2023 là con đẻ của anh.

Chị Nguyễn Xuân M vắng mặt tại Tòa nhưng có lời khai trong quá trình tố tụng như sau:

Chị và anh Nguyễn Quốc K do quen biết tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Lộc, huyện Mỹ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre vào ngày 05/10/2011. Thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân. Đến năm 2023 chị và anh K chưa ly hôn nhưng đã sống chung như vợ chồng với anh Nguyễn Văn H và trong thời gian này chị đã mang thai cháu Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày 01/11/2023. Đến ngày 30/8/2023 chị và anh K đã ly hôn theo Bản án số 112/2023/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Chị xác định cháu Nguyễn Thị Minh A là con chung của chị và anh Nguyễn Văn H nên chị đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Anh Nguyễn Quốc K vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 18/01/2024 của anh Nguyễn Văn H đối với chị Nguyễn Xuân M thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về xác định con cho cha*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 5 Điều 28 và khoản 10 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Cày Bắc.

Chị Nguyễn Xuân M nơi cư trú tại xã Hòa Lộc, huyện Mỹ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Cày Bắc thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Cày Bắc đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho anh K đến để tham gia phiên tòa nhưng anh K vắng mặt không rõ lý do đồng thời trong quá trình tố tụng anh H và chị M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỹ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H, chị M và anh K là phù hợp.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Chị Nguyễn Xuân M và anh Nguyễn Quốc K xây dựng hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Lộc, huyện Mỹ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống chị M và anh K không hạnh phúc nên đã ly thân từ năm 2022 và ly hôn ngày 30/8/2023 theo Bản án số 112/2023/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Tuy nhiên, trong thời gian còn tồn tại mối quan hệ hôn nhân với anh K thì chị M lại sống chung như vợ chồng với anh H và sinh ra cháu Nguyễn Thị Minh A. Theo kết quả xét nghiệm AND số 1823HCM/2024, ngày 09/01/2024 của Công ty TNHH Công nghệ di

truyền Novagen kết luận anh Nguyễn Văn H có quan hệ huyết thống cha – con với Nguyễn Thị Minh A, độ tin cậy trên 99,999999%. Do đó, yêu cầu của anh H là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H được chấp nhận nên chị Nguyễn Xuân M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 4 Điều 28, Khoản 10 Điều 29, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ các điều 88, khoản 1 Điều 101 và khoản 1 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Căn cứ Điều 39 Bộ Luật Dân sự năm 2015.
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H

Xác định cháu Nguyễn Thị Minh A (tên dự kiến), sinh ngày 01/11/2023 là con đẻ của anh Nguyễn Văn H theo giấy chứng sinh ngày 01/11/2023. Mã BN: 23229468 ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Bệnh viện H Vương.

5. Về án phí:

Chị Nguyễn Xuân M có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú.

Nơi nhân:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Bắc (1b);
- Những người tham gia tố tụng (3b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Diễm